

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày: 13-3-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thái Q - sinh ngày 29/11/1998;

Nơi cư trú: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Út E, sinh năm 1972 (chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1973; Tiền sự: Không. Tiền án:

+ Ngày 11/9/2019, Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 20/2019/HS-ST, chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích.

+ Ngày 29/7/2022, Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo bản án số 31/2022/HS-ST, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/11/2023, đến ngày 03/11/2023 chuyển tạm giam đến nay (có mặt).

* *Người bị hại:* **Bùi Thành T** - sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Phan Quốc H , sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 30/10/2023, Nguyễn Thái Q xuống sông Cái sắn để mò sắt vụn bán phế liệu, khi mò tìm sắt vụn đến nhà ông Bùi Thành T ở ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang, cách nhà Q khoảng 50 mét, Q nhìn thấy cửa nhà ông T không đóng do ông T đang phơi đồ phía trước, lúc này Q leo từ mé sông lên qua hàng rào phía sau và đi vào trong nhà lấy trộm của ông T gồm: 01 bộ máy khoan điện nhãn hiệu Makita; 01 bộ máy rửa xe nhãn hiệu HITACHI; 01 cái laptop nhãn hiệu Lenovo; 01 cái bóp da (ví da) bên trong có số tiền Việt Nam 3.000.000 đồng, 04 tờ tiền USD mệnh giá 1 USD; 01 căn cước công dân tên Bùi Thành T; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006925, biển số đăng ký 68T1-001.53 tên Võ Thị Cẩm T (Vợ Bùi Thành T); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006530, biển số đăng ký 68D1-424.39 tên Bùi Thành T; 01 Giấy phép lái xe số 9100370011552 tên Bùi Thành T . Sau khi lấy trộm tài sản của ông T, Q lội xuống sông đem về nhà Q và đem cái máy khoan điện nhãn hiệu Makita bán cho anh Phan Quốc H ngang cửa nhà Q với số tiền 150.000 đồng, sau đó Q tiếp tục về nhà mình lấy máy rửa xe, laptop (máy tính xách tay) để đi tìm chỗ bán, khi Q cầm tài sản trộm được đi ra khỏi nhà Q thì ông T phát hiện truy đuổi nên Q bỏ lại cái laptop và máy rửa xe rồi bỏ chạy, lần trốn, ông Bùi Thành T báo vụ việc đến Cơ quan Công an. Số tiền lấy trộm được của ông T, Q cho con của người tên Kiên 04 tờ đô la Mỹ, trả tiền mượn cho người tên Cường bạn mới quen 2.000.000 đồng, số tiền còn lại Q đã tiêu xài hết, cái bóp da Q ném xuống sông Cái Sắn, những giấy tờ của ông T để trong bóp da Q ném ra phí sau cạnh nhà Q. Đến ngày 01/11/2023, Q đến Cơ quan điều tra đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của ông T và giao nộp các giấy tờ tùy thân đã lấy trộm của ông T. Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ: 01 bộ máy khoan điện pin nhãn hiệu Makita đã qua sử dụng (anh H giao nộp); 01 bộ máy rửa xe pin nhãn hiệu HITACHI đã qua sử dụng, 01 cái laptop (máy tính xách tay) nhãn hiệu Lenovo G450 model 2949 đã qua sử dụng (Q bỏ lại khi bị ông T phát hiện truy đuổi); 01 căn cước công dân tên Bùi Thành T ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006925, biển số đăng ký 68T1-001.53 tên Võ Thị Cẩm Tú (Vợ Bùi Thành T); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006530, biển số đăng ký 68D1-424.39 tên Bùi Thành T ; 01 Giấy phép lái xe số 9100370011552 tên Bùi Thành T .

Trong quá trình điều tra, Phan Quốc H có mua 01 cái máy khoan điện do Q bán, H không hay biết cái máy khoan điện là tài sản do Q trộm cắp mà có.

Ông Bùi Thành T xác định cái bóp da mua đã lâu, không nhớ mua bao nhiêu tiền và không cung cấp được nhãn hiệu, chứng từ liên quan đến cái bóp.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh người tên Kiên được xác định tên khai sinh là Nguyễn Thành K, sinh năm 1990, ở ấp Đ, xã T, huyện T, hiện gia đình đã bán nhà đi nơi khác sinh sống, không rõ ở đâu và chưa xác định được nhân thân lai lịch người tên Cường mà Q đã trả 2.000.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành yêu cầu định giá các tài sản mà Nguyễn Thái Q đã thực hiện hành vi trộm cắp:

- Kết luận số 30/KL-HĐĐG ngày 07/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện T, kết luận:

+ 01 bộ máy khoan điện Pin nhãn hiệu Makita đã qua sử dụng; qua tham khảo giá hai cửa hàng trên địa bàn huyện giá trị còn lại khoảng 175.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*);

+ 01 bộ máy rửa xe Pin nhãn hiệu HITACHI đã qua sử dụng; qua tham khảo giá hai cửa hàng trên địa bàn huyện giá trị còn lại khoảng 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*);

+ 01 Laptop nhãn hiệu Lenovo G450 model: 2449 đã qua sử dụng; qua tham khảo giá hai cửa hàng trên địa bàn huyện giá trị còn lại khoảng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*);

+ 04 tờ đô la Mỹ mệnh giá 1 đô la, qua tham khảo giá tại doanh nghiệp tư nhân Quỳnh Như giá 01 đô la Mỹ có giá 23.000đ/1 đô la: $23.000đ \times 4 = 92.000$ đồng (*Chín mươi hai ngàn đồng*);

+ 01 cái bóp da nam màu đen đã qua sử dụng. Hội đồng thống nhất không thẩm định cái bóp da đã qua sử dụng;

Tổng giá trị tài sản cần định giá: **2.067.000 đồng** (*Bằng chữ: Hai triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thái Q đã thực hiện hành vi trộm cắp ngày 30/10/2023 của ông Bùi Thành T trị giá là: **5.067.000 đồng** (*Năm triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

* Cáo trạng số 07/CT-VKSTH ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thái Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên xử bị cáo Nguyễn Thái Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thái Q mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng thu giữ trong vụ án được xử lý như sau:

Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại Bùi Thanh Trung: 01 bộ máy khoan điện pin nhãn hiệu Makita đã qua sử dụng; 01 bộ máy rửa xe pin nhãn hiệu HITACHI đã qua sử dụng, 01 cái laptop nhãn hiệu Lenovo G450 model 2949 đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân tên Bùi Thành T ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006925, biển số đăng ký 68T1-001.53 tên Võ Thị Cẩm Tú (Vợ Bùi Thành T); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006530, biển số đăng ký 68D1-424.39 tên Bùi Thành T ; 01 Giấy phép lái xe số 9100370011552 tên Bùi Thành T).

Trách nhiệm dân sự:

Ông Bùi Thành T , đã nhận lại tài sản và có đơn không yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, 04 tờ đô la Mỹ cùng mệnh giá 01 đô la Mỹ.

Anh Phan Quốc H có đơn không yêu cầu Nguyễn Thái Q bồi thường số tiền 150.000 đồng.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T , Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Do muốn có tiền tiêu xài, bị cáo Nguyễn Thái Q nảy sinh ý định trộm cắp của người khác, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, khi mò sắt vụn dưới sông đã leo qua rào phía sau đột nhập vào nhà Bùi Thành T trộm cắp tài sản gồm: 01 bộ máy khoan điện Pin nhãn hiệu Makita đã qua sử dụng có giá trị 175.000 đồng; 01 bộ máy rửa xe Pin nhãn hiệu HITACHI đã qua sử dụng có giá trị 300.000 đồng; 01 Laptop nhãn hiệu Lenovo G450 model: 2449 đã qua sử dụng có giá trị

1.500.000 đồng; 04 tờ đô la Mỹ cùng mệnh giá 1 đô la có giá 92.000 đồng; Tiền Việt Nam 3.000.000 đồng. Tổng tài sản bị cáo Nguyễn Thái Q đã thực hiện hành vi trộm cắp trị giá là: **5.067.000 đồng** (*Năm triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*). Số tiền Nguyễn Thái Q thu lợi bất chính từ việc bán máy khoan trộm cắp là **150.000 đồng**

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thái Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, mục đích sử dụng cho tiêu xài cá nhân, bị cáo lén lút trộm cắp tài sản của bị hại một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại và làm mất an ninh trật tự ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản; năm 2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 20/2019/HS-ST ngày 11/9/2019, chưa xóa án tích; Năm 2022 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, theo bản án số 31/2022/HS-ST ngày 29/7/2022, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm có tác dụng răn đe và đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Thái Q đã có tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Bùi Thành T đã nhận lại tài sản và có đơn không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, 04 tờ đô la Mỹ cùng mệnh giá 01 đô la Mỹ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phan Quốc H có đơn không yêu cầu bị cáo Nguyễn Thái Q bồi thường số tiền 150.000 đồng, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Xét thấy bị cáo không có công việc ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Nguyễn Thái Q phải nộp số tiền thu lợi bất chính 150.000 đồng mà bị cáo đã bán cái máy khoan điện nhãn hiệu Makita.

[8] Sau khi định giá xong, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại Bùi Thành T : 01 bộ máy khoan điện pin nhãn hiệu Makita đã qua sử dụng; 01 bộ máy rửa xe pin nhãn hiệu HITACHI đã qua sử dụng, 01 cái laptop nhãn hiệu Lenovo G450 model 2949 đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân tên Bùi Thành T ; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006925, biển số đăng ký 68T1-001.53 tên Võ Thị Cẩm T (Vợ Bùi Thành T); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 006530, biển số đăng ký 68D1-424.39 tên Bùi Thành T ; 01 Giấy phép lái xe số 9100370011552 tên Bùi Thành T); là phù hợp.

Đối với Phan Quốc H có mua 01 cái máy khoan điện do bị cáo Q bán, H không hay biết cái máy khoan điện là tài sản do bị cáo Q trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý; là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thái Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thái Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 02/11/2023.

2. Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Nguyễn Thái Q phải nộp số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo thu lợi bất chính mà có để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thái Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Công an huyện T ;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến